TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2018/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 20 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 161/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2016, giữa:

*Nguyên đơn***:** Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

ĐKNKTT: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Ông Phạm Văn M, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Hữu Q và bà Phạm Thị Thanh C**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Thanh C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Nhật T, sinh ngày 20/02/2000 và

Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/6/2002 (Phù hợp với nguyện vọng của con).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Bà Phạm Thị Thanh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ:

+ Bà Phạm Thị Thanh C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) về khoản vay tài sản.

Nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng cam kết nói trên thì phải chịu lãi phát sinh theo lãi suất do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

+ Ông Phạ m Văn M đã nhận 01 chỉ vàng y, vợ chồng ông Q và bà C không nợ ông M khoản nợ nào khác nên ông M rút yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng ông Q và bà C xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST, ông Q đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng nên hoàn lại cho ông Q 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000173 ngày 26/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bà Phạm Thị Thanh C tự nguyện chịu 338.000 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí DS-ST, bà C đã nộp tạm ứng 1.875.000 đồng nên hoàn lại cho bà C 1.537.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000183 ngày 26/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/5391 ngày 27/02/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Hoàn lại cho ông Phạm Văn M số tiền 100.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000177 ngày 27/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Hưng